

Bản án số: **488/2023/DS-PT**

Ngày: 06/9/2023

V/v tranh chấp: "Đòi QSD đất và yêu cầu hủy
GCNQSD đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Tâm.

Các Thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

2. Bà Nguyễn Thanh Nhân.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Đạt, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Ông Võ Trung Hiếu, Kiểm sát viên.

Trong các ngày **28 tháng 8** và ngày **06 tháng 9 năm 2023**, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp "Đòi lại quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 275/2022/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện GCT, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 108/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Cụ **Điêu Thị U**, (1919 -2018)

Địa chỉ: ấp LT, xã LB, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

* **Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Điêu Thị U:**

Ông **Huỳnh Văn X**, (1945-2020)

Địa chỉ: số 527/15 Dương Bá Trạc, phường 1, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

* **Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Huỳnh Văn X:**

1. Ông **Huỳnh Văn V**, sinh năm 1968 (có mặt);

2. Ông **Huỳnh Văn D**, sinh năm 1969 (vắng mặt);

3. Ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Địa chỉ: số A đường D, phường I, quận P, thành phố Hồ Chí Minh

4. Bà **Huỳnh Thúy L**, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: số C, đường P, phường D, quận T, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Huỳnh Văn V: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Nh**, sinh năm 1986, địa chỉ: số X đường B, Phường I, quận B, TP. Hồ Chí Minh (Theo văn bản uỷ quyền ngày 04/01/2023) (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Huỳnh Văn V: Luật sư **Hà Ngọc T**, Văn phòng luật sư Hà T - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

* *Bị đơn:* Ông **Điêu Thành Th** (**Điêu Thành Th**), sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp LT, xã LB, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông **Nguyễn Minh Ch**, sinh năm 1958.
Địa chỉ: thành phố M, tỉnh Tiền Giang (có mặt)

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Luật sư **Phạm Dương P** và Luật sư **Lê Trần Hồng T**, Văn phòng luật sư T, Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Võ Văn M**, (1970 - 2018)

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

* *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Võ Văn M:*

1.1. Ông **Võ Văn Đ**, sinh năm 1981 (vắng mặt);

1.2. Ông **Võ Văn Tr**, sinh năm 1966 (vắng mặt);

1.3. Bà **Võ Thị Kim Ng**, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp K, xã P, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang

1.4. Bà **Võ Thị C**, sinh năm 1956 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp LT, xã LB, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang

1.5. Ông **Võ Văn Tân**, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang

1.6. Bà **Võ Thị T1**, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã TT, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang

1.7. Bà **Võ Thị T2**, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện TP, tỉnh Tiền Giang

2. Bà **Võ Thị H**, (1940 - 2011)

Địa chỉ: quận Y, thành phố Hồ Chí Minh

* *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Võ Thị Hg*

2.1. Bà **Võ Thị V**, sinh năm 1965 (vắng mặt);

2.2. Ông **Võ Hoa Q**, sinh năm 1971(vắng mặt);

2.3 Bà **Võ Thị Hoa C**, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: quận y, thành phố Hồ Chí Minh

3. Bà **Huỳnh Thị B**, sinh năm 1951

Địa chỉ: Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Huỳnh Thị B: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Nh**, sinh năm 1986, địa chỉ: số X đường B, Phường I, quận B, TP. Hồ Chí Minh (Theo văn bản uỷ quyền ngày 03/01/2023) (có mặt)

4. Bà **Phạm Thị H3**, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp LT, xã LB, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang

5. Ông **Điêu Thành K**, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp LT, xã LB, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang

6. Bà **Nguyễn Thị Ngọc A**, sinh năm 1950 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp LT, xã LB, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang

7. Ủy ban nhân dân huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Huỳnh Thanh B**, Chủ tịch (xin vắng mặt)

Địa chỉ: TT Vĩnh Bình, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

** Người làm chứng:*

1. Bà **Điêu Thị C**, sinh năm 1954 (có mặt)

Địa chỉ: ấp LT, xã LB, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang

2. Ông **Điêu Văn Ng**, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: ấp LT, xã LB, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang

** Người kháng cáo:* ông Huỳnh Văn V là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn cụ Diêu Thị U.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện của các nguyên đơn cụ Diêu Thị U trình bày:*

Trước đây cụ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 4.862m² đất lúa và 382,5m² đất thổ + lâu năm, đất tọa lạc ấp LT, xã LB, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang. Do bà lớn tuổi, các con ở xa nên ông Diêu Thành Th là cháu kêu bà ở chung và chăm sóc bà, đồng thời quản lý sử dụng hai thửa đất nói trên của cụ. Sau đó ông Th bỏ bê không chăm sóc cụ nên các con cụ không đồng ý. Hiện nay bà Diêu Thị C (SS) là người đang chăm sóc cho cụ. Riêng hai thửa đất của bà không biết tại sao ông Th lại được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH05539 ngày 01/12/2011 diện tích 382,5m² (đất ở nông thôn 300m² đất trồng cây lâu năm 82,5m²); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05541 ngày 01/12/2011 diện tích 4.862,5m² đất lúa. Hiện ông Th giao cho cụ giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thổ cư và bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lúa. Trên diện tích 382,5m² đất ở và đất vườn có nhà của cụ U, bà đang quản lý nhà và phần đất này, còn ông Th đang quản lý phần đất lúa. Tại biên bản hòa giải ngày 16/8/2018 của Ủy ban nhân dân xã LB, ông Th đồng ý trả lại cho cụ U thửa đất 382,5m² còn thửa đất lúa 4.862,5m² thì không chịu trả. Ông Th đồng ý chuyển nhượng cho cụ U đứng tên chứ không muốn chuyển qua người nào khác. Nay cụ yêu cầu công nhận hai thửa đất số 352, tờ bản đồ số 21 diện tích 382,5m² (đất ở nông thôn 300m², đất trồng cây lâu năm 82,5m²) và thửa 407, tờ bản đồ số 27 diện tích 4.862,5m² đất lúa cùng địa chỉ ấp LT, xã LB, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang là của cụ U; hủy giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH05539 ngày 01/12/2011 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05541 ngày 01/12/2011 do ông Điều Thành Th đứng tên; buộc ông Điều Thành Th giao trả lại cụ hai thửa đất số 352, tờ bản đồ số 21 diện tích 382,5m² (đất ở nông thôn 300m², đất trồng cây lâu năm 82,5m²) và thửa 407, tờ bản đồ số 27 diện tích 4.862,5m² đất lúa cùng địa chỉ ấp LT, xã LB, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

** Tại văn bản lời khai của người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Huỳnh Văn X là Huỳnh Văn V, Huỳnh Văn D, Huỳnh Văn T, Huỳnh Thúy L trình bày:*

Các ông bà là con ruột của ông Huỳnh Văn X (sinh năm 1945) là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Điều Thị U, các ông bà yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án, các ông bà thống nhất vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của cụ Điều Thị U.

** Tại văn bản lời khai của bị đơn ông Điều Thành Th trình bày:*

Cụ Điều Thị U là bà cô của ông, cụ không chồng con (độc thân) do sống độc thân, tuổi già không người lo, cụ kêu ông quản lý đất vườn canh tác đất ruộng cho cụ, giao cho ông tài sản để chăm sóc nuôi dưỡng cụ đến trăm tuổi. Ông ở chung nhà, chung hộ khẩu, chăm sóc nuôi dưỡng cụ cách nay 30 năm (năm 1990) còn đất đai để ông đứng tên cách nay 22 năm (năm 1997). Từ trước đến nay ông là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cụ chu đáo cho đến ngày cụ qua đời ngày 24/9/2018 ông là người trực tiếp lo tang chế mọi mặt cho cụ, chôn cất tại phần đất vườn (thửa 352). Từ ngày ông về chăm lo cho cụ, cụ không hề phiền trách, trách cứ bất cứ gì lớn nhỏ, từ chuyện sinh hoạt gia đình cho đến việc sử dụng canh tác đất đai quản lý nhà cửa cho đến khoảng tháng 7, tháng 8/2018 cụ không còn minh mẫn, các người cháu khác (cùng hàng là cháu như ông) dựng chuyện ông bỏ bê không chăm sóc cụ nên đem cụ về căn nhà khác, nhằm mục đích tách hộ khẩu làm giấy tờ chuyển đổi quyền tài sản, nhưng làm không được, nên làm giấy ủy quyền cho ông Huỳnh Văn V thay mặt cụ khởi kiện. Mặc dù giấy ủy quyền có công chứng nhưng không có giá trị pháp lý, vì thời điểm công chứng cụ đã 99 tuổi không có giám định sức khỏe tâm thần để xác định năng lực hành vi dân sự. Về mối quan hệ với cụ Huỳnh Văn K không phải là chồng của cụ U vì cụ K có vợ con sống ở nơi khác, cụ K tới lui với cụ chứ không phải chồng của cụ U, các con của cụ K cũng không nuôi dưỡng gì cụ. Về tài sản các diện tích đất hiện đang tranh chấp có nguồn gốc của cụ U, do ông bà để lại cụ U canh tác. Đến năm 1990, cụ giao đất cho ông quản lý, canh tác, năm 1996 nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông đứng tên đến nay, năm 2011 ông tách thửa ra làm 3 số thửa 352, tờ bản đồ số 21 diện tích 382,5m² (GCN CH05539) là đất thổ có nhà và mồ mã, thửa 407, tờ bản đồ số 27, diện tích 4.862,5m² (GCN CH05541) là đất ruộng, thửa 475, tờ bản đồ số 27, diện tích 279,6m² (GCN CH05540) là đất ruộng. Hai thửa 407, 475 tổng diện tích là 5.142,1m² do hợp nhất của 4 thửa cũ 2115, 2117, 2118, 2119 diện tích 5.330m² chênh lệch 187,9m² do đo đạc thực tế, số mới diện tích 4.862,5m² so với số cũ 5.142,1m² chênh lệch 279,6m² là do trừ kênh giới của hai đầu ruộng; về hộ khẩu năm 2001 ông nhập cùng hộ của cụ U. Nay ông không đồng ý toàn bộ nội dung khởi kiện của ông Huỳnh Văn V (người được ủy quyền) vì ông V là cháu nội của cụ K, không họ hàng, bà con ruột thịt gì với cụ U.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị Ngọc A trình bày: Cụ Điều Thị U là dì ruột của bà và bà là cô ruột của ông Điều Thành Th. Hiện bà đang ở trên phần đất 382,5m², trước đây phần đất này là của ông bà để lại cho cụ U, bà ở trên phần đất này từ năm 2011 là do cụ U và ông Th kêu bà về ở trên phần đất này. Vào năm 2012 cụ U nói cho bà phần đất này có làm

giấy tay, không có làm hợp đồng tặng cho vào ngày 01/2/2012 nên bà chưa được đứng tên phần đất này mà do ông Th đứng tên vì trước đây cụ U sợ bà đứng tên rồi bà bán nên để ông Th đứng tên, lúc này ông Th ở chung hộ khẩu với cụ U, cụ U dặn ông Th khi nào cụ U chết ông Th mới sang tên cho bà. Hiện ông Th đang đứng tên hai phần đất thổ bà đang ở và phần đất ruộng khoảng 4.000m². Trên phần đất thổ có ngôi nhà của cụ U là nhà ngói + thiếc vách gỗ tap nền đất và bà có làm thêm cái nhà dưới thô sơ nền đất và 4 cây dừa cụ U trồng. Nay cụ U có yêu cầu ông Th trả lại hai phần đất thửa 352 và 407 thì đồng ý trả đất thổ mà bà đang ở, nhưng phải tính công sức bà nuôi cụ U 3 năm mỗi ngày là 200.000 đồng, thành tiền là 219.000.000 đồng và tiền công bà dỡ nhà của bà để vào cất nhà trên đất của cụ U là 5.400.000 đồng. Bà không có đơn khởi kiện mà bà chỉ nêu vậy thôi.

- Bà *Phạm Thị H* trình bày: Bà thống nhất với ý kiến trình bày của ông *Điều Thành Th*, không bổ sung ý kiến, không yêu cầu gì khác.

- Ông *Điều Thành Kh* trình bày: Ông là em ruột của ông *Điều Thành Th*, về các phần đất tranh chấp giữa cụ *Điều Thị U* (đã chết năm 2018) với ông *Điều Thành Th* theo ông biết, cụ *Điều Thị U* khi còn sống đã cho hẳn ông *Điều Thành Th*, đã sử dụng 30 năm, đã được Nhà nước cấp sổ đỏ trên 20 năm, kiện đòi đất là không đúng; còn về phía ông không có liên quan gì, ông không có yêu cầu gì trong vụ việc này (hộ gia đình ông sống riêng, có hộ khẩu riêng).

- *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Võ Văn M là Võ Văn Đ, Võ Văn Tr, Võ Thị Kim Ng, Võ Thị C, Võ Văn T1, Võ Thị T2, Võ Thị T3* trình bày:

Các ông bà là con ruột của ông *Võ Văn M*, sinh năm 1937 (chết năm 2018) và bà *Nguyễn Thị T*, sinh năm 1937 (chết năm 2012), các ông bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của cụ *Điều Thị U* trước đây. Kính mong Tòa án nhân dân huyện GCT xem xét, giải quyết vụ án.

- *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Võ Thị H là Võ Thị V, Võ Hoa Q, Võ Thị Hoa C* trình bày: Các ông bà là con ruột của bà *Võ Thị H* (sinh năm 1940, chết năm 2011), các ông bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của cụ *Điều Thị U* trước đây. Kính mong Tòa án xem xét, giải quyết vụ án.

- Ủy ban nhân dân huyện GCT trình bày: Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05539, CH05541 cấp ngày 01/12/2011 của ông *Điều Thành Th*, Ủy ban nhân dân huyện không có ý kiến, việc giải quyết do Tòa án quyết định.

Bản án dân sự sơ thẩm số 243/2022/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện GCT, tỉnh Tiền Giang, đã áp dụng vào các Điều 74, 175, 177, 227, 228, 233, 235 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 166, 654 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ *Điều Thị U* (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ *Điều Thị U*) về việc yêu cầu công nhận hai thửa đất số 352, tờ bản đồ số 21 diện tích 382,5m² (đất ở nông thôn 300m², đất trồng cây lâu năm 82,5m²) và thửa 407, tờ bản đồ số 27 diện tích 4.862,5m² đất lúa cùng địa chỉ ấp LT, xã LB, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang là của cụ U; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH05539 ngày 01/12/2011 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05541 ngày 01/12/2011 do ông *Điều Thành Th* đứng tên; buộc ông *Điều Thành Th* giao trả lại bà hai thửa đất số 352, tờ bản đồ số 21 diện tích 382,5m² (đất ở nông thôn 300m², đất trồng cây lâu năm

82,5m² và thửa 407, tờ bản đồ số 27 diện tích 4.862,5m² đất lúa cùng địa chỉ ấp LT, xã LB, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 22 tháng 9 năm 2022, ông Huỳnh Văn V là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn cụ Điều Thị U có đơn kháng cáo yêu cầu công nhận hai thửa đất số 352, tờ bản đồ số 21 diện tích 382,5m² (đất ở nông thôn 300m², đất trồng cây lâu năm 82,5m²) và thửa 407, tờ bản đồ số 27 diện tích 4.862,5m² đất lúa cùng địa chỉ ấp LT, xã LB, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang là của cụ U; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH05539 ngày 01/12/2011 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05541 ngày 01/12/2011 do ông Điều Thành Th đứng tên; buộc ông Điều Thành Th giao trả lại cụ U hai thửa đất số 352, tờ bản đồ số 21 diện tích 382,5m² (đất ở nông thôn 300m², đất trồng cây lâu năm 82,5m²) và thửa 407, tờ bản đồ số 27 diện tích 4.862,5m² đất lúa cùng địa chỉ ấp LT, xã LB, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Huỳnh Văn V lập luận cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vì phạm tổ tụng nghiêm trọng, cụ thể đơn khởi kiện ngày 10/9/2018 của cụ Điều Thị U có yêu cầu tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Điều Thành Thiệt, quá trình giải quyết đến phiên Tòa xét xử sơ thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu này; các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các quyết định, văn bản tố tụng của Tòa án và trong Bản án sơ thẩm cũng đều xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là đòi lại quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, căn cứ khoản 4 Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, nhưng Tòa án nhân dân huyện GCT thụ lý, giải quyết và xét xử sơ thẩm là sai thẩm quyền, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Trong nội dung đơn khởi kiện, các bản khai của cụ Điều Thị U lúc còn sống đều khẳng định không có giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất, cụ U khẳng định không biết Ủy ban nhân dân huyện GCT đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Th, khi biết thì mới khởi kiện để đòi. Bị đơn cho rằng cụ Điều Thị U tặng cho ông Điều Thành Th các thửa đất, nhưng không cung cấp được bất cứ chứng từ tài liệu nào chứng minh việc tặng cho quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ đầy đủ như chứng cứ về quá trình sử dụng đất, chứng cứ về các giao dịch quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn với bị đơn và hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn nhưng nhận định quyền sử dụng đất các thửa 352, 407 thuộc về ông Điều Thành Th và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Điều Thị U, là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 308, 310 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 275/2022/DS-ST ngày 12/09/2022; giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện GCT làm thủ tục chuyển vụ án về Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang thụ lý giải quyết thẩm lại.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn, ông Phạm Dương Phúc phân tích cho rằng nguyên đơn Điều Thị U có yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất nhưng không có căn cứ để hủy cho nên Tòa án cấp huyện mới thụ lý và tuyên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; giấy xác nhận ngày 28/8/2018 của cụ Điều Thị U về mối quan hệ nuôi dưỡng có chữ ký của ông Huỳnh Kim Trường là Công an ấp, là không khách quan. Cụ Điều Thị U cho rằng mối quan hệ giữa cụ U với ông Huỳnh Văn X thương yêu chăm sóc nhau như mẹ con ruột nhưng cụ U không giao giấy tờ đất cho ông X lại giao cho ông Th cất giữ. Ông Điều Thành Th đứng tên quyền sử dụng đất trong một thời gian

dài nhưng cụ U, ông X không có ý kiến gì. Người làm chứng Điều Văn Ng và Điều Thị C không khách quan vì có mâu thuẫn lợi ích với bị đơn. Ông Huỳnh Văn V cũng không có đưa ra được tài liệu nào chứng minh cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Huỳnh Văn V kháng cáo yêu cầu công nhận hai thửa đất số 352, tờ bản đồ số 21 và thửa 407, tờ bản đồ số 27 là của cụ U; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH05539 ngày 01/12/2011 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05541 ngày 01/12/2011 do ông Điều Thành Th đứng tên; buộc ông Điều Thành Th giao trả lại cụ U hai thửa đất trên, không có căn cứ, thực tế khi sống chung với cụ U thì cụ U đã tặng cho cho ông Th, trong thời gian dài khi cụ U còn sống không có ai khiếu nại hay tranh chấp gì hết; đơn đăng ký quyền sử dụng đất của ông Điều Thành Th được Ủy ban nhân dân xã, phường thị trấn xác nhận trong đơn và việc Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Th là phù hợp với quy định của Luật đất đai năm 1993. Từ những cơ sở đó, nhận thấy không có cơ sở chấp nhận yêu kháng cáo của phía ông V. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn V.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn, ông Lê Trần Hồng Tuân phân tích cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào giấy xác nhận ngày 28 tháng 8 năm 2018 của cụ Điều Thị U để đưa vào người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Điều Thị U là không phù hợp, vì vụ án này không phải thừa kế, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải đình chỉ xét xử vụ án. Văn bản xác nhận ngày 28/8/2018 do cụ Điều Thị U ký tên trực tiếp là không có thật. Từ những vấn đề trên, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án hoặc không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:*

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự hủy bản án dân sự sơ thẩm số 275/2022/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện GCT xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Huỳnh Văn V thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng quy định tại Điều 271, 272 và Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự Huỳnh Văn D, Huỳnh Văn T, Huỳnh Thị L, Võ Văn Đ, Võ Văn Tr, Võ Thị Kim Ng, Võ Thị C Võ Văn T1, Võ Thị T2, Võ Thị T3, Võ Thị V, Võ Hoa Q, Võ Thị Hoa C, Phạm Thị H, Nguyễn Thị Ngọc A vắng mặt và UBND huyện GCT xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[2.1] Cụ Huỳnh Văn K (1917-1989) chung sống với cụ Võ Thị B (1916-1962) có 05 người con:

- Võ Văn M (1937-2018);
- Võ Thị H (1940-2011);
- Huỳnh Văn X (1945-2020);
- Huỳnh Văn S chết, không vợ con
- Huỳnh Thị B;

[2.2] Năm 1962, cụ Huỳnh Văn K sống chung với cụ Điều Thị U (1919-2018) không có con chung. Ngày 18/9/2018, cụ Điều Thị U khởi kiện ông Điều Thành Th tranh chấp QSD đất. Ngày 24/9/2018, cụ Điều Thị U chết, Tòa án cấp sơ thẩm đưa ông Huỳnh Văn X vào tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Điều Thị U.

Xét, ông Huỳnh Văn X là con của cụ Huỳnh Văn K và cụ Võ Thị B, nên không thuộc hàng thừa kế theo pháp luật của cụ Điều Thị U theo quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015. Tại Điều 654 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về quan hệ thừa kế giữa con riêng, bố dượng và mẹ kế: *“Con riêng và bố dượng, mẹ kế nếu có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng nhau như cha con, mẹ con thì được thừa kế di sản của nhau và còn được chia thừa kế theo quy định tại Điều 652 và Điều 653 của Bộ luật này”*.

Tại Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn *“Việc xác định có quan hệ nuôi dưỡng, chăm sóc nhau trên thực tế như cha con, mẹ con thì cần căn cứ vào các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình về quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ, con (Điều 69, 70, 71, 72), trong đó, phải đánh giá một cách toàn diện các yếu tố như: bố dượng, mẹ kế hàng tháng có trả tiền nuôi dưỡng, chăm sóc, chăm lo đến việc học tập, giáo dục con, thương yêu con... hoặc nếu bố dượng, mẹ kế không đủ điều kiện sinh sống ở mức độ trung bình ở địa phương thì con riêng đã chu cấp tiền nuôi dưỡng, chăm sóc hàng tháng... Đồng thời, mức độ quan hệ nuôi dưỡng, chăm sóc nhau trên thực tế như cha con, mẹ con phải đảm bảo được cuộc sống của họ. Do vậy, căn cứ quy định nêu trên thì con riêng, bố dượng, mẹ kế chỉ cần có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng nhau trên thực tế như cha, mẹ con thì được thừa kế di sản của nhau, không bắt buộc những người này phải sống chung”*.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn V cho rằng khi cụ Huỳnh Văn K về chung sống với cụ Điều Thị U, thì ông Huỳnh Văn X sống chung được vài năm từ 1962-1965, sau đó ông Huỳnh Văn X lên Sài Gòn sinh sống, lập nghiệp. Khi cụ Điều Thị U còn sống, ông Huỳnh Văn X có về thăm nom, chu cấp cho cụ Điều Thị U và trả các chi phí chữa bệnh cho cụ U, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Trong khi đó, người làm chứng bà Điều Thị C, ông Điều Văn Ng (người làm chứng của phía nguyên đơn, do nguyên đơn nộp ở giai đoạn phúc thẩm) xác định: trước đây khi còn khỏe mạnh, cụ U sống một mình, không ai ở chung, trồng rau muống mang ra chợ bán lấy tiền sinh sống, khi bị gãy chân thì có nhờ bà Ngọc A chăm sóc và trả công 500.000 đồng/tháng; bà A chăm sóc được hai tháng nhưng do cụ U không có đủ tiền trả bà A nên bà A không chăm sóc nữa. Sau đó, cụ Điều Thị U được bà Điều Thị C nuôi dưỡng cho đến khi mất.

[2.4] Đối với đơn đề nghị xác nhận ngày 28/8/2018 của cụ Điều Thị U, (có lần tay) được ông Huỳnh Kim Tr, công an ấp xác nhận ngày 28/8/2018 và được Phó Trưởng công an xã xác nhận ngày 30/8/2018, Hội đồng xét xử xét thấy nội dung đơn có sự mâu thuẫn, lúc cụ U trình bày *“thương ông X mất mẹ, nên nhận ông X làm con trai”* lúc thì *“tôi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cũng như giáo dục ông X từ lúc ông X sinh ra cho*

đến khi trưởng thành”, trong khi đó, ông Huỳnh Văn X và ông Võ Văn M xác định “sau khi bà Võ Thị B chết, bà Điều Thị U nuôi dưỡng, chăm sóc ba anh em chúng tôi như con ruột” (bút lục 49,53). Mặt khác, thời điểm này, cụ Điều Thị U đã 99 tuổi, xuất viện ngày 06/8/2018 với bệnh lý “nhồi máu não bán cầu phải, tăng huyết áp, bệnh tim thiếu máu cục bộ”; đơn không được UBND có thẩm quyền chứng thực chữ ký theo quy định pháp luật, nên chưa đảm bảo độ chính xác, tính khách quan.

Như vậy, ông Huỳnh Văn X không chứng minh được có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng cụ Điều Thị U như mẹ con theo quy định tại Điều 654 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Huỳnh Văn X là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng duy nhất của cụ Điều Thị U, là không có căn cứ.

[3] Từ những phân tích trên, cần phải xác định lại người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Điều Thị U theo quy định tại Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015, đồng thời làm rõ quyền sử dụng đất đang tranh chấp có phải là tài sản chung của cụ Huỳnh Văn K và cụ Điều Thị U hay không để xác định lại tư cách của đương sự tham gia tố tụng trong vụ án (các con của cụ K). Bên cạnh đó, bà Võ Thị H chết năm 2011, trước thời điểm thụ lý vụ án, nhưng Tòa án sơ thẩm lại đưa bà Võ Thị H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, là không đúng. Do đó, Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện GCT giải quyết lại.

Do hủy bản án sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn V.

[4] Xét, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Huỳnh Văn V đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, là có căn cứ.

[5] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn, Hội đồng xét xử có xem xét.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, là có căn cứ

[7] Về án phí: Ông Huỳnh Văn V không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 275/2022/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện GCT giải quyết lại.

Về án phí: Hoàn lại ông Huỳnh Văn V số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006432 ngày 22/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự GCT.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án. Án tuyên vào lúc 8 giờ 20 phút, ngày 06/9/2023, có mặt bà Nhung, ông Chí và luật sư Phúc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện GCT;
 - Chi cục THADS huyện GCT;
 - Các đương sự;
 - Công thông tin điện tử;
 - Lưu hồ sơ vụ án.
- DSPT-2023-Tâm

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Tâm